

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2024

V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Bắc

Bà Nguyễn Thị Phương Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1987; Quốc tịch Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tô F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Có đơn xin xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh C; sinh ngày 13/06/1969; Quốc tịch Hàn Quốc

Địa chỉ: 23-4, Oeji 1 gil, A- M, N-S, J- do, Hàn Quốc. Có đơn xin xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại M-gu, A-si, G-do, Hàn Quốc; số 18-06839 cấp ngày 06/02/2018 (Trích lục ghi chú kết hôn số 10/TLGCKH ngày 29/3/2018 của Ủy ban nhân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam) và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, Việt Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ba năm được hạnh phúc thì xảy ra bất đồng ngôn ngữ, cách sống, văn hoá của hai nước cũng khác nhau, hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Hiện nay chị C đã về Việt Nam sinh sống và làm việc. Chị C xác định tình cảm vợ

chồng với anh C không còn và đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam giải quyết cho chị được ly hôn với anh [C](#).

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là [Trần Thanh N1](#), sinh ngày 11/04/2019; Quốc tịch Việt Nam, hiện nay đang sinh sống cùng anh C tại Hàn Quốc. Chị [C](#) và anh C đã thống nhất để anh C được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung [Trần Thanh N1](#) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị [C](#) và anh C không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn anh C trình bày:

Anh C xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân như lời khai chị [Trần Thị Kim C](#). Anh C xác định hai vợ chồng không còn tình cảm, chị [C](#) trở về Việt Nam làm đơn ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là [Trần Thanh N1](#), sinh ngày 11/04/2019, anh và chị [C](#) thống nhất để anh trực tiếp nuôi con chung vì môi trường tại Hàn Quốc thuận tiện cho cháu sinh hoạt và học tập.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị [C](#) tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay, do điều kiện công việc của anh rất bận nên anh không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên không tiến hành hoà giải, giải quyết vắng mặt anh tất cả các buổi làm việc liên quan đến vụ án ly hôn. Đề nghị Toà án tổng đạt các giấy tờ đến chị [C](#), chị [C](#) sẽ có trách nhiệm chuyển đến anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị [Trần Thị Kim C](#) là nguyên đơn đang cư trú tại [Tổ F, phường T, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam](#). Anh C, Quốc tịch Hàn Quốc Địa chỉ hiện nay: 23-4, Oeji 1 gil, [A- M, N-S, J-](#) do, Hàn Quốc. Tài liệu anh C gửi về Việt Nam gồm bản tự khai, hộ chiếu đều được [Đại sứ quán N2](#) tại Hàn Quốc chứng nhận hợp pháp hoá lãnh sự. Do vậy, có đủ cơ sở xác định nội dung các văn bản của anh C nộp gửi cho Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là đúng ý chí, nguyện vọng của anh C.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Việt Nam. Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Chị [C](#) và anh C đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Việt Nam, Hội đồng xét xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị [Trần Thị Kim C](#) và anh C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [M-gu, A-si, G-do, Hàn Quốc](#); số 18-06839 cấp ngày 06/02/2018 (trích lục ghi chú kết hôn số 10/TLGCKH ngày 29/3/2018 của Ủy ban nhân [thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam](#)) là hôn nhân hợp pháp.

Chị [C](#) và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị [C](#) khởi kiện xin ly hôn, anh C nhất trí ly hôn với chị [C](#). Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị [C](#) và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị [C](#), cho chị [C](#) được ly hôn với anh C là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị [Trần Thị Kim C](#) và anh C có 01 con chung là [Trần Thanh N1](#), sinh ngày 11/04/2019; Quốc tịch Việt Nam hiện nay đang ở cùng anh C tại Hàn Quốc. Chị [C](#) và anh C đều nhất trí giao con chung cho anh C trực tiếp, chăm sóc, nuôi con chung [Trần Thanh N1](#), sinh ngày 11/04/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử thấy, cháu [Trần Thanh N1](#), sinh ngày 11/04/2019 hiện nay đang ở cùng anh C tại Hàn Quốc, chị [C](#) đã trở về Việt Nam sinh sống. Chị [C](#) và anh C đã thống nhất giao con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng các quy định tại Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị [C](#) và anh C không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí: Chị [C](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [Trần Thị Kim C](#) đối với anh C.

1. Về hôn nhân: Cho chị [Trần Thị Kim C](#) được ly hôn anh C.
2. Về con chung: Giao cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là [Trần Thanh N1](#), sinh ngày 11/04/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi

hoặc có sự thay đổi khác. Chị [Trần Thị Kim C](#) có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu .

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Án phí: Chị [Trần Thị Kim C](#) phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000061 ngày 03/01/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị [Trần Thị Kim C](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Bắc- [Nguyễn Thị Phương Thúy Lê Thị Hồng Phương](#)

